

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

- Các số: XD, TNM, KHOT
- Các huyện: KPC, MH
- VP: LDP, EV: ĐLKT, DUY, HAI, KDS - 15/30-16/15
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/TTr-SXD

Hung Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57, huyện Khoái Châu

C.V ĐẾN	Số: 11930
	Ngày: 01/10/2018
	Chuyển: R. Chai hiep
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: UBND tỉnh Hưng Yên

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Sở Xây dựng được quy định tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 1779/UBND-KT ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc lập quy hoạch phân khu xây dựng hai bên đường huyện ĐH.57 và lập QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án của Công ty ĐTPT Bình Minh Phố Hiến;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57, huyện Khoái Châu;

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu về đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu do Công ty cổ phần quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam lập; Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch phân khu với những nội dung sau:

1. Tên dự án:

Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Sở Xây dựng Hưng Yên

3. Nguồn vốn: Nguồn vốn lập quy hoạch là nguồn vốn do Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bình Minh Phố Hiến hỗ trợ không hoàn lại (theo Công văn số 1779/UBND-KT ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc lập quy hoạch phân khu xây dựng hai bên đường huyện ĐH.57 và lập QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án của Công ty ĐPTI Bình Minh Phố Hiến)

4. Giá trị dự toán: 2.545.815.000 đồng

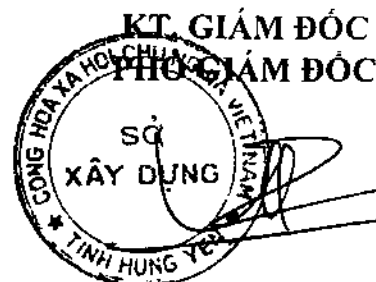
Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng.

(Kèm theo Báo cáo thẩm định số /SXD-KT&VLXD ngày /9/2018 của Sở Xây dựng về việc thẩm định dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu).

Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở (để b/c);
- UBND huyện Khoái Châu;
- Phòng QH-KT^D;
- Lưu VT.



Lưu Văn Dương

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **195/SXD-KT&VLXD**
Về việc thẩm định dự toán chi phí
lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ
1/2000 hai bên trục đường huyện
ĐH.57 huyện Khoái Châu

Hung Yên, ngày **28** tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH PHÂN KHU
TÊN ĐỒ ÁN: QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000
HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN ĐH.57 HUYỆN KHOÁI CHÂU
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về quản lý quy hoạch theo phân cấp, Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu như sau:

1. Căn cứ thẩm định

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Văn bản số 1779/UBND-KT1 ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch phân khu hai bên đường huyện ĐH.57 và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bình Minh Phố Hiến;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu;

Căn cứ hồ sơ, tài liệu về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu do Công ty cổ phần quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam lập.

2. Giới thiệu chung về đồ án

- Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu.

- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Hưng Yên.

- Đơn vị lập nhiệm vụ đồ án: Công ty cổ phần quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam.

3. Nhận xét về chất lượng hồ sơ đồ án

- Phương pháp lập dự toán và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán trình thẩm định:

+ Quy hoạch xây dựng: Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

+ Lựa chọn nhà thầu: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của liên Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

+ Thanh quyết toán dự án: Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

+ Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Kết luận: Đủ điều kiện thẩm định.

4. Nguyên tắc thẩm định

- Sự phù hợp về khối lượng công tác lập quy hoạch phân khu xây dựng: Cơ bản phù hợp.

- Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức dự toán, giá xây dựng và quy định khác có liên quan trong việc xác định các khoản mục chi phí của dự toán công tác lập quy hoạch phân khu xây dựng: Cơ bản phù hợp.

- Giá trị dự toán chi phí lập quy hoạch sau thẩm định: **2.545.815.000 đồng**

Bằng chữ: *(Hai tỷ, năm trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm mười năm nghìn đồng)*

5. Kết quả thẩm định

Theo các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu như sau:

Đơn vị tính: đồng

stt	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị thẩm định	Tăng (+) giảm (-)
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch	1.513.617.985	1.642.169.000	+128.551.015
2	Chi phí khác có liên quan	878.770.663	903.646.000	+24.875.337
	Cộng	2.392.388.648	2.545.815.000	+153.426.352

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm:

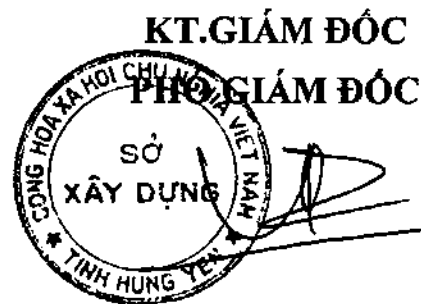
- Chi phí lập đồ án quy hoạch: điều chỉnh hệ số do tính nội suy chưa phù hợp;
- Chi phí khác có liên quan:
 - + Chi phí khảo sát địa hình: giảm chi phí hạng mục chung ; bỏ chi phí quản lý dự án, chi phí thẩm tra dự toán, chi phí kiểm tra, thẩm định nghiệm thu; điều chỉnh chi phí vật liệu lấy theo giá công bố liên sở Xây dựng - Tài chính tại thời điểm thẩm định;
 - + Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, chi phí thẩm định đồ án quy hoạch, chi phí quản lý nghiệp vụ đồ án quy hoạch: điều chỉnh lại hệ số do tính nội suy chưa phù hợp;
 - + Điều chỉnh chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư: xác định bằng dự toán chi phí;
 - + Điều chỉnh chi phí công bố đồ án quy hoạch: xác định bằng dự toán chi phí;
 - + Bổ sung các chi phí liên quan đến lựa chọn nhà thầu lập đồ án quy hoạch;
 - + Bổ sung chi phí thanh quyết toán đồ án (dự án) quy hoạch hoàn thành theo quy định.

6. Kết luận và kiến nghị

Trên đây là báo cáo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTQH, KT&VLXD.



DỰ TOÁN THIẾT KẾ QUY HOẠCH

Tên đồ án: QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN ĐH.57
HUYỆN KHOÀI CHÂU

Quy mô : 379,00 ha

Tỷ lệ: 1/2000

I. NỘI DUNG

- Lập nhiệm vụ quy hoạch;
- Lập đồ án quy hoạch phân khu đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền xét duyệt đồ án.

II. CĂN CỨ ĐỂ LẬP DỰ TOÁN:

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch XD;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng;
- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí QLDA và TVĐT xây dựng;

III. DỰ TOÁN CHI TIẾT

BẢNG TỔNG CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH

TT	Hạng mục công việc	Giá gốc tương ứng với QM	Tỷ lệ áp dụng	Giá trị trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền (đ)
1	2	3	4	5=(3*4)	6=5*10%	7=5+6
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch	1.492.881.000	PL 01	1.492.881.000	149.288.100	1.642.169.000
2	Các chi phí khác liên quan					903.646.000
	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	397.375.887	3,00%	11.921.277	1.192.128	13.113.000
	Chi phí khảo sát địa hình	397.375.887	Dự toán	397.375.887	39.737.589	437.113.000
	Chi phí giám sát khảo sát	397.375.887	4,072%	16.181.146	1.618.115	17.799.000
	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	1.492.881.000	6,964%	103.964.233	10.396.423	114.361.000
	Chi phí thẩm định NVQH	103.964.233	20%	20.792.847		20.793.000
	Chi phí thẩm định đồ án QH	1.492.881.000	6,514%	97.246.268		97.246.000
	Chi phí quản lý NV lập đồ án QH	1.492.881.000	6,114%	91.274.744		91.275.000
	Chi phí lấy ý kiến cộng đồng		PL 02	29.200.000		29.200.000
	Chi phí công bố quy hoạch		PL 03	44.700.000		44.700.000
	Chi phí lập HSMT, ĐG HSMT lập đồ án quy hoạch (NĐ số 63/2014/NĐ-CP)	1.492.881.000	0,759%	11.330.967		11.331.000
	Chi phí thẩm định HSMT lập đồ án quy hoạch (NĐ số 63/2014/NĐ-CP)		Tối thiểu	1.000.000	100.000	1.100.000
	Chi phí thẩm định KQLCNT lập đồ án QH (NĐ số 63/2014/NĐ-CP)		Tối thiểu	1.000.000	100.000	1.100.000
	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu: Thông báo mời thầu (TTLT số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC)		Theo quy định	300.000	30.000	330.000
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT số 09/2016/TT-BTC)	2.545.815.000	0,95%	24.185.243		24.185.000
	Tổng cộng					2.545.815.000

Bảng chữ : Hai tỷ, năm trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm mười năm nghìn đồng chẵn

Phụ lục 1: Bảng tính chi phí lập đồ án

Quy mô 379,00 ha

- Áp dụng Bảng số 3: Định mức chi phí lập đồ án quy hoạch phân khu đô thị (tỷ lệ 1/2000) và Bảng số 11: Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án QH thuộc Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD

- Áp dụng Bảng số 19: Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-BXD

Công thức nội suy:

$$G_x = \left\{ \frac{G_b - G_a}{Q_b - Q_a} \times (Q_x - Q_a) \right\} + G_a$$

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Giá QH (tr.đồng/h a)	Định mức cho các công việc liên quan (%)			
				Lập nhiệm vụ	Thẩm định đồ án	Quản lý NV lập đồ án QH	Lập HMST, đánh giá HSDT
1	Giá trị cần tính	G _x	3,939	6,964	6,514	6,114	0,759
2	Giá trị của quy mô cận dưới	G _b	4,5200	7,900	7,500	7,100	0,816
3	Giá trị của quy mô cận trên	G _a	3,0500	6,000	5,500	5,100	0,583
4	Quy mô cận dưới	Q _b	300 ha	1.000 tr.đ	1.000 tr.đ	1.000 tr.đ	1.000 tr.đ
5	Quy mô cận trên	Q _a	500 ha	2.000 tr.đ	2.000 tr.đ	2.000 tr.đ	3.000 tr.đ
6	Quy mô cần tính	Q _x	379 ha	1.493 tr.đ	1.493 tr.đ	1.493 tr.đ	1.493 tr.đ

Giá gốc áp dụng: 3.939.000 đồng/ha x 379 ha = 1.492.881.000 đồng

Phụ lục 2: Bảng tính chi phí lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư

Stt	Thành phần chi phí	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí trang trí hội trường (hoa, phông màn, băng rôn, khẩu hiệu..)	Trọn gói		1.500.000	1.500.000	
2	Chi phí in ấn bản vẽ, hồ sơ tài liệu phục vụ hội nghị				23.900.000	
	- Chi phí in bản vẽ quy hoạch treo tại hội trường (in trên giấy ngọc trai, đóng khung)	Bản vẽ Ao màu	14	100.000	1.400.000	Tạm tính theo giá thị trường
	- Chi phí in tài liệu phát cho đại biểu (thuyết minh tóm tắt; bản vẽ A3 màu; phiếu góp ý kiến)	Bộ	90	250.000	22.500.000	Tạm tính theo giá thị trường
3	Chi phí giải khát giữa giờ	Đại biểu	90	20.000	1.800.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
4	Chi phí thuê xe phục vụ tổ chức hội nghị	Cuộc	1	2.000.000	2.000.000	Tạm tính theo giá thị trường
	Tổng cộng				29.200.000	

Phụ lục 3: Bảng tính chi phí công bố đồ án quy hoạch

Stt	Thành phần chi phí	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí trang trí hội trường (hoa, phong màn, băng rôn,	Trọn gói		1.500.000	1.500.000	
2	Chi phí in ấn bản vẽ, hồ sơ tài liệu phục vụ hội nghị				23.900.000	
2.1	- Chi phí in bản vẽ quy hoạch treo tại hội trường (in trên giấy ngọc trai, đóng	Bản vẽ Ao màu	14	100.000	1.400.000	Tạm tính theo giá thị trường
2.2	- Chi phí in tài liệu phát cho đại biểu (thuyết minh; bản vẽ A3; báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch)	Bộ	90	250.000	22.500.000	Tạm tính theo giá thị trường
3	Chi phí giải khát giữa giờ	Đại biểu	90	20.000	1.800.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
4	Chi phí hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu	Đại biểu	90	150.000	13.500.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
5	Chi phí thuê xe phục vụ tổ chức hội nghị	Cuộc	1	2.000.000	2.000.000	Tạm tính theo giá thị trường
6	Chi phí thiết kế, lắp dựng pano công bố quy hoạch	Trọn gói	1	2.000.000	2.000.000	Tạm tính theo giá thị trường
	Tổng cộng				44.700.000	

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN

ĐH.57 HUYỆN KHOÁI CHÂU

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu		2.983.788	VL
2	Chi phí nhân công		191.698.054	NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công		11.932.168	M
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	206.614.009	T
II	CHI PHÍ CHUNG	NC x 70%	134.188.638	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+C) x 6%	20.448.159	TL
	Giá thành khảo sát	T + C + TL	361.250.806	G
	Chi phí lập phương án khảo sát	G x 2%	7.225.016	Cpa
	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	G x 3%	10.837.524	Cbc
	Chi phí chỗ hạng mục chung	G x 5%	18.062.540	Chmc
	Chi phí khảo sát trước thuế	G+Cpa+Cbc+Chmc	397.375.887	Gtt
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Gtt x 10%	39.737.589	GTGT
	Chi phí khảo sát sau thuế	Gtt + GTGT	437.113.475	Gst
	Làm tròn		437.113.000	

(Bảng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười ba nghìn đồng chẵn)

DỰ TOÀN KINH PHÍ
CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
ĐH.57 HUYỆN KHOÀI CHÂU

- * Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;
- * Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình Yên
- Phần khảo sát xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng;
- * Căn cứ Công văn số 284/SXD-KTXD&VLXD ngày 28/6/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng và công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- * Căn cứ Quy mô đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:2000 (đồng mức 1 m), diện tích 416,5 ha.

Đơn vị tính: Đồng

MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	THÀNH PHẦN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	THÀNH PHẦN CHI PHÍ			THÀNH TIỀN		
				VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
CF.11520	Đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 1, Bộ thiết bị GPS (3 máy)	Điểm	14	144.287	3.735.826	252.359	2.020.018	52.301.559	3.533.030
CF.11610	Đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 2, máy toàn đạc điện tử	Điểm	22	27.522	1.393.038	45.607	605.484	30.646.846	1.003.364
CG.11330	Đo khống chế độ cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	Km	20	2.275	764.679	4.880	45.500	15.293.577	97.594
	Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1:2000 (1m)								
CK.11720	- Địa hình loại II	100 Ha	3,165	66.125	17.874.503	1.302.970	209.286	56.572.801	4.123.901
CK.11740	- Địa hình loại IV	100 Ha	1	103.500	36.883.272	3.174.280	103.500	36.883.272	3.174.280
	CỘNG						2.983.788	191.698.054	11.932.168

**CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
ĐH.57 HUYỆN KHOÁI CHÂU**

PHẦN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT 1 ĐIỂM ĐƯỜNG CHUYÊN CẤP 1 (CẤP ĐỊA HÌNH III)

Đơn vị tính: Đồng

KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ K	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG.1	CF.11520	Đường chuyên cấp 1, địa hình cấp III	Điểm				144.287
	1	Chi phí vật liệu	VL				
		- Xi măng PCB30	Kg	5		1.400	7.000
		- Đá 1x2	m ³	0,023		240.000	5.520
		- Cát vàng	m ³	0,015		370.000	5.550
		- Đinh + dây thép	Kg	0,3		22.000	6.600
		- Sơn trắng + đỏ	Kg	0,3		45.000	13.500
		- Đinh chữ U	Kg	4		22.000	88.000
		- Số đo	Quyển	1		5.000	5.000
		- Vật liệu khác	%	10			13.117
		Chi phí nhân công	NC				3.735.826
	2	- Kỹ sư 4/8	Công	4,85	1	261.507	1.268.309
		- Công nhân 4/7	Công	12,1	1	203.927	2.467.517
	3	Chi phí máy thi công	M				252.359
		- Bộ thiết bị GPS G3100-R2 hoặc loại tương tự (3 máy)	Ca	0,39	1	588.250	229.418
		- Máy khác	%	10			22.942

**CÔNG TRÌNH: DO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
DH.57 HUYỆN KHOÁI CHÂU**

PHẦN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT 1 ĐIỂM ĐƯỜNG CHUYÊN CẤP 2 (CẤP ĐỊA HÌNH III)

Đơn vị tính: Đồng

KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HẠO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ K	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG.2	CF.11610	Đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III	Điểm				
	1	Chi phí vật liệu	VL				27.522
		- Xi măng PCB30	Kg	3		1.400	4.200
		- Đá 1x2	m ³	0,01		240.000	2.400
		- Cát vàng	m ³	0,006		370.000	2.220
		- Đinh + dây thép	Kg	0,1		22.000	2.200
		- Sơn trắng + đỏ	Kg	0,2		45.000	9.000
		- Sô đo	Quyền	1		5.000	5.000
		- Vật liệu khác	%	10			2.502
	2	Chi phí nhân công	NC				1.393.038
		- Kỹ sư 4/8	Công	1,81	1	261.507	473.328
		- Công nhân 4/7	Công	4,51	1	203.927	919.711
	3	Chi phí máy thi công	M				45.607
		- Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	Ca	0,26	1	159.467	41.461
		- Máy khác	%	10			4.146

**CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
ĐL.57 HUYỆN KHOÁI CHÂU**

ĐƠN GIÁ CHI TIẾT 1 KM THỦY CHUẨN KỸ THUẬT (CẤP ĐỊA HÌNH III)

Đơn vị tính: Đồng

KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG.3	CG.11330	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	Km			2.275
	1	Chi phí vật liệu	VL			1.750
		- Số đo	Quyển	0,35	5.000	525
		- Vật liệu khác	%	30		764.679
	2	Chi phí nhân công	NC			240.586
		- Kỹ sư 4/8	Công	0,92	261.507	524.092
		- Công nhân 4/7	Công	2,57	203.927	4.880
	3	Chi phí máy thi công	M			4.784
		- Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	Ca	0,3	15.947	96
		- Máy khác	%	2		

**CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
ĐH.57 HUYỆN KHOÀI CHÂU**

PHẦN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT 100 Ha BẢN ĐỒ TỶ LỆ 1:2000 ĐỒNG MỨC 1 m (CẤP ĐỊA HÌNH II)

Đơn vị tính: Đồng

KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐÌNH MỨC	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG.4	CK.11720	Bản đồ tỷ lệ 1:2000 (1 m), địa hình cấp II	100 Ha			
		Chi phí vật liệu	VL			66.125
		- Cọc gỗ (4x4x40) cm	Cọc	10	5.000	50.000
		- Số đo	Quyển	1,5	5.000	7.500
		- Vật liệu khác	%	15		8.625
		Chi phí nhân công	NC			17.874.503
		- Kỹ sư 4/8	Công	21,68	261.507	5.669.472
		- Công nhân 4/7	Công	59,85	203.927	12.205.031
		Chi phí máy thi công	M			1.302.970
		- Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	Ca	7,32	159.467	1.167.296
- Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	Ca	1,08	15.947	17.222		
- Máy khác	%	10		118.452		

**CÔNG TRÌNH: ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1:2000 PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG HAI BÊN TRỤC ĐƯỜNG HUYỆN
ĐHL57 HUYỆN KHOÀI CHÁU**

PHẦN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT 100 Ha BẢN ĐỒ TỶ LỆ 1:2000 ĐỒNG MỨC 1 m (CẤP ĐỊA HÌNH IV)

<i>Đơn vị tính: Đồng</i>						
KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	THÀNH PHẦN HAO PHÍ	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
DG.5	CK.11740	Bản đồ tỷ lệ 1:2000 (1 m), địa hình cấp IV	100 Ha			103.500
	1	Chi phí vật liệu	VL			
		- Cọc gỗ (4x4x40) cm	Cọc	15	5.000	75.000
		- Sổ đo	Quyển	3	5.000	15.000
		- Vật liệu khác	%	15		13.500
	2	Chi phí nhân công	NC			36.883.272
		- Kỹ sư 4/8	Công	43,58	261.507	11.396.475
		- Công nhân 4/7	Công	124,98	203.927	25.486.796
	3	Chi phí máy thi công	M			3.174.280
		- Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	Ca	17,88	159.467	2.851.264
		- Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	Ca	2,16	15.947	34.445
		- Máy khác	%	10		288.571

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, NHÂN CÔNG, CÀ MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã hiệu	Danh mục vật tư	Đơn vị	Đơn giá
1		Chi phí vật liệu	VL	
		- Xi măng PCB30	Kg	1.400
		- Đá 1x2	m ³	240.000
		- Cát vàng	m ³	370.000
		- Đinh + dây thép	Kg	22.000
		- Sơn trắng + đỏ	Kg	45.000
		- Đinh chữ U	Kg	22.000
		- Số đo	Quyển	5.000
		- Cọc gỗ (4x4x40)cm	Cọc	5.000
		- NC		
2		Chi phí nhân công	Công	261.507
		- Kỹ sư 4/8	Công	203.927
		- Công nhân 4/7	M	
3		Chi phí máy thi công		
		- Máy toàn đạc điện tử TS06 hoặc loại tương tự	Ca	159.467
		- Bộ thiết bị GPS G3100-R2 hoặc loại tương tự (3 máy)	Ca	588.250
		- Máy thủy bình điện tử PLP-110 hoặc loại tương tự	Ca	15.947

BẢNG TÍNH LƯƠNG NHÂN CÔNG

* Căn cứ Công văn số 284/SXD-KTXD&VLXD ngày 28/6/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cấp bậc công nhân xây dựng	Hệ số lương	Lương vùng	Lương tháng	Số ngày	Lương công nhân
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[3]x[4]	[6]	[7]=[5]/[6]
1	Kỹ sư 4/8 (Nhóm I)	3,27	2.079.260	6.799.180	26	261.507
2	Công nhân 4/7 (Nhóm I)	2,55	2.079.260	5.302.113	26	203.927

BẢNG TÍNH GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

* Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Stt	Loại máy và thiết bị	Số ca/ năm	Hệ số thu hồi khi xử lý	Định mức khấu			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng 1 ca	Thành phần - cấp bậc thợ điều khiển máy	Nguyên giá (1000 đ)	Chi phí khấu hao (CPKH)	Chi phí sửa chữa (CPSC)	Chi phí khác (CPK)	Chi phí NL, NL (CPNL)	Chi phí tiền lương (CPTL)	Giá ca máy (đồng)
				Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác									
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Máy thủy bình điện tử	180	1	14	2,80	4,00			13.800	10.733	2.147	3.067			15.947
2	Máy toán đặc điện tử	180	0,9	14	1,80	4,00			156.000	109.200	15.600	34.667			159.467
3	Bộ thiết bị không chế mặt bằng GPS (3 máy)	180	0,9	14	1,50	4,00			585.000	409.500	48.750	130.000			588.250



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1919* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày /*6* tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phân khu xây dựng
tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường huyện ĐH.57 huyện Khoái Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu Bô Thời - Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 112/TTr-SXD ngày 31/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường ĐH.57, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án

Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường ĐH.57, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Mục tiêu Đồ án

Cụ thể hoá Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; quy hoạch chung xây dựng Khu Bô Thời - Dân Tiến và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên đã được phê duyệt.

Xây dựng khu vực phát triển đô thị - thương mại dịch vụ (kết hợp cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu) trên cơ sở khai thác hiệu quả quỹ đất, phù hợp với định hướng quy hoạch chung xây dựng; có hệ thống hạ tầng đồng bộ hiện đại, có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan và môi trường phát triển bền vững.

Làm cơ sở và công cụ cho các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án, kế hoạch đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển đô thị, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Sở Xây dựng.

4. Vị trí, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hai bên trục đường ĐH.57 thuộc địa bàn quản lý của huyện Khoái Châu.

Vị trí cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đường ĐT.383.

Phía Nam giáp đường quy hoạch đô thị (theo quy hoạch chung).

Phía Đông giáp đường ĐT.379 và quốc lộ 39.

Phía Tây giáp sông Từ Hồ Sài Thị.

5. Quy mô đất đai và dân số

a) Quy mô đất đai: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch phân khu có diện tích khoảng 416,5 ha, thuộc địa bàn quản lý của các xã: Dân Tiến, Tân Dân, An Vĩ và thị trấn Khoái Châu.

b) Quy mô dân số: Dự báo dân số trong khu vực lập quy hoạch khoảng 40.000 người.

Quy mô, cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng sẽ được nghiên cứu, tính toán cụ thể trong khi lập quy hoạch, đáp ứng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành.

Các chỉ tiêu nghiên cứu áp dụng; nội dung yêu cầu nghiên cứu được thống nhất như trong Tờ trình số 112/TTr-SXD ngày 31/7/2018 của Sở Xây dựng.

Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo đơn vị tư vấn lập quy hoạch phối hợp với UBND huyện Khoái Châu, UBND các xã: Dân Tiến, Tân Dân, An Vĩ và thị trấn Khoái Châu tiến hành lập quy hoạch, đảm bảo đúng yêu cầu về quy trình, quy cách lập Đồ án quy hoạch xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu; Chủ tịch UBND các xã Dân Tiến, Tân Dân, An Vĩ; Chủ tịch UBND thị trấn Khoái Châu và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1⁰.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bửu Thế Cử

ĐIỀU 1. BÊN NHẬN ĐÓN
HÀNG HUNG VÂN

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi, bên nhận đón hàng Hung Vân, đã nhận được hàng của bên bán hàng Hung Vân theo hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...

Hàng nhận được đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và giá trị như đã ghi trong hợp đồng. Bên bán hàng Hung Vân đã giao hàng đúng hạn và đúng địa điểm.

Chúng tôi, bên nhận đón hàng Hung Vân, đã thanh toán đầy đủ số tiền hàng cho bên bán hàng Hung Vân theo đúng hạn và đúng địa điểm.

Chúng tôi, bên nhận đón hàng Hung Vân, đã ký nhận hàng và thanh toán đầy đủ số tiền hàng cho bên bán hàng Hung Vân.

Chúng tôi, bên nhận đón hàng Hung Vân, đã thanh toán đầy đủ số tiền hàng cho bên bán hàng Hung Vân.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN ĐÓN
HÀNG HUNG VÂN
...
...

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN HÀNG
HUNG VÂN
...
...

Số: 169 / BC- SXD

Hung Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

Về việc xác định ranh giới lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao cấp Sen Hồ và khu nhà ở cao cấp Sen Hồ 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
Số: <u>11994</u>	
Ngày: <u>03/10/2018</u>	
Chuyên: <u>Đ. Chẩn tra</u>	
Lưu hồ sơ:	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh giao tại Công văn số 2170/UBND-KT1 ngày 03/8/2018 về việc xác định ranh giới lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao cấp Sen Hồ và khu nhà ở cao cấp Sen Hồ 2. Ngày 16/8/2018, Sở Xây dựng tổ chức cuộc họp Liên ngành với đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và UBND huyện Mỹ Hào, để xem xét nội dung nêu trên. Sau khi tổng hợp các ý kiến của các đại biểu tham dự, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh một số nội dung chính sau:

Ngày 13/4/2018, UBND tỉnh có Công văn số 908/UBND-KT1 giao cho Công ty TNHH phát triển công nghệ và đô thị T&T phối hợp với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ, nghiên cứu, lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở cao cấp Sen Hồ và Khu nhà ở cao cấp Sen Hồ 2 tại khu đất có diện tích khoảng 70ha, thuộc địa bàn quản lý xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào. Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Dự án khu dân cư mới trên địa bàn xã Nhân Hòa, khu dân cư hiện có thôn Nguyên Xá và đường trục xã Nhân Hòa;
- Phía Nam giáp: Đường trục trung tâm huyện Mỹ Hào;
- Phía Đông giáp: Đường QH đô thị và khu dân cư hiện có thôn Lỗ Xá;
- Phía Tây giáp: Đường trục kinh tế Bắc – Nam.

Tại khu vực này, UBND tỉnh đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 49/QĐ-UBND ngày 24/4/2018, cho phép Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Quang Minh thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại và tổ hợp khách sạn trên khu đất có diện tích 1,9ha, thuộc địa bàn quản lý xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào. Ranh giới dự án cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Đất canh tác;
- Phía Nam giáp: Đường trục trung tâm huyện Mỹ Hào;
- Phía Đông giáp: Dự án trung tâm dịch vụ và thương mại chuyên phát hàng hóa Hưng Yên;
- Phía Tây giáp: Đất sản xuất nông nghiệp.

Theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 xã Nhân Hòa đã được UBND huyện Mỹ Hào phê duyệt thì khu vực này có tuyến đường quy hoạch chạy qua khu

đất thực hiện dự án Trung tâm thương mại và tổ hợp khách sạn của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Quang Minh (chiếm diện tích khoảng 3801,9m²).

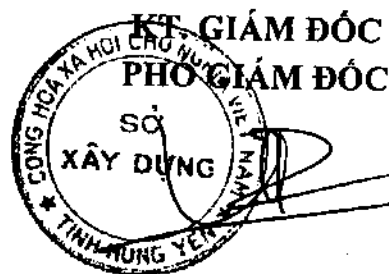
Trên cơ sở các ý kiến tham gia tại cuộc họp Liên ngành, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh giao cho Công ty TNHH phát triển công nghệ và đô thị T&T và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ phối hợp với UBND huyện Mỹ Hào rà soát về quy hoạch xây dựng; hiện trạng sử dụng đất và các dự án đã được tiếp nhận vào khu vực để xác định lại ranh giới lập quy hoạch của các dự án đầu tư cho phù hợp với quy hoạch xây dựng, tránh chồng lấn với các dự án đã được tiếp nhận, trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận.

(Gửi kèm theo Biên bản cuộc họp Liên ngành ngày 16/8/2018)

Sở Xây dựng trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND huyện Mỹ Hào;
- Lãnh đạo Sở (để b/c);
- Phòng QH-KT^D;
- Lưu VT.



Lưu Văn Dương

Hưng Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP LIÊN NGÀNH

Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Công văn số 2170/UBND-KT1 ngày 03/8/2018 về việc xác định ranh giới lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao cấp Sen Hồ và khu nhà ở cao cấp Sen Hồ 2.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2018, Sở Xây dựng tổ chức cuộc họp liên ngành để lấy ý kiến của các Sở, Ngành liên quan để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Thành phần cuộc họp gồm có:

I. Đại diện Sở Xây dựng.

Ông : *Lưu Văn Dũng* *PGĐ*

Ông : *Bà Nguyễn Minh Ngọc* *PP., QH - KT*

II. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông : *Nguyễn Việt Hùng* *PP. KT-ĐN*

Ông:

III. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông : *Đặng Xuân Dũng* *Phó Giám đốc*

Ông:

IV. Đại diện Sở Giao thông vận tải

Ông : *Trần Thế Hoàng* *PGĐ*

Ông: *Nguyễn Công Nguyễn* *PP. QL-KT-HĐ-GT*

VI. Đại diện UBND huyện Mỹ Hòa.

Ông : *Nguyễn Văn Dũng* *Phó Chủ tịch*

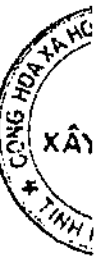
Ông:

VII. Đại diện Công ty TNHH phát triển công nghệ và đô thị T&T.

Ông : *Lâm Huy Diệp* *Giám đốc*

Ông: *Nguyễn Văn Hùng* *Chủ tịch*

Hội nghị đã nghe Công ty TNHH phát triển công nghệ và đô thị T&T báo cáo về ranh giới thực hiện dự án. Ý kiến các đại biểu như sau:



① UBND huyện Mỹ Hòa triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất
địa phương.

② Sở Tài nguyên và Môi trường huyện gửi UBND huyện Mỹ Hòa
để thực hiện quy hoạch sử dụng đất địa phương.

③ UBND huyện Mỹ Hòa triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất địa phương.

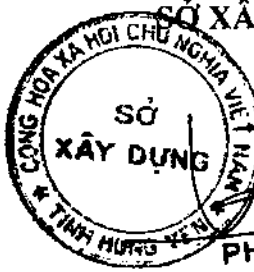
④ Sở Tài nguyên và Môi trường huyện gửi UBND huyện Mỹ Hòa
để thực hiện quy hoạch sử dụng đất địa phương.

⑤ UBND huyện Mỹ Hòa triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất địa phương.

⑥ UBND huyện Mỹ Hòa triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất địa phương.

th. xuat

Biên bản lập xong đã được đọc cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên.



SỞ XÂY DỰNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN DƯƠNG

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ullhomas

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ VÀ ĐÔ THỊ T&T

anh
Lâm Hồng Diệp

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

khia

Đặng Xuân Liêng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Việt Hưng

Nguyễn Việt Hưng

UBND HUYỆN MỸ Hào

Nguyễn Kim Đông

